CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Phú	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thiên Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thiện Tâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thiên	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/7/2010)
Ông Phạm Thành Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/8/2010)

2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

NGUYỄN VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 096/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Kính gởi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 19 kèm theo, được lập vào ngày 04 tháng 3 năm 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác.

Cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thông tin như đã nêu tại thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 31/12/2010, Công ty chưa đánh giá lại danh mục các chứng khoán chưa niêm yết theo giá trị thị trường với tổng giá trị đầu tư là 155.504.653.682 đồng do không xác định được giá tham chiếu.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
S.Đ.K.K.D: 0302909063 - C.T.T.N.H.H - Q.TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 04 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

An independent member firm of DFK International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	**100**		**1.470.073.076.896**	**243.494.110.502**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**27.226.390.272**	**8.011.493.222**
1. Tiền	111		27.226.390.272	3.011.493.222
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	6	**128.864.737.926**	**22.625.894.783**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		131.725.893.245	23.661.851.423
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.861.155.319)	(1.035.956.640)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	7	**1.299.446.746.208**	**197.267.369.051**
1. Phải thu khách hàng	131		41.200.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		21.900.040.410	2.017.844.686
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		50.804.882.870	100.995.782.044
4. Các khoản phải thu khác	138		1.185.541.822.928	94.253.742.321
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.535.202.490**	**15.589.353.446**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	11.104.969.656	976.992.589
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.430.232.834	14.612.360.857
B. Tài sản dài hạn	**200**		**267.565.350.599**	**182.617.379.973**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.992.516.003**	**10.970.635.529**
1. TSCĐ hữu hình	221	10	9.725.765.516	10.754.289.413
- Nguyên giá	222		19.371.269.805	17.010.991.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.645.504.289)	(6.256.701.742)
2. TSCĐ vô hình	227	11	2.266.750.487	216.346.116
- Nguyên giá	228		3.032.982.801	684.239.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(766.232.314)	(467.893.385)
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**3.514.818.000**	-
1. Nguyên giá	241		3.514.818.000	-
2. Giá trị hao mòn luỹ kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	6	**248.755.771.172**	**169.542.459.172**
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		177.615.338.490	100.887.208.490
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		177.615.338.490	100.887.208.490
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		74.830.678.682	72.345.496.682
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.690.246.000)	(3.690.246.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.302.245.424**	**2.104.285.272**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.142.131.893	583.055.607
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	770.302.931	181.879.065
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.389.810.600	1.339.350.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.737.638.427.495**	**426.111.490.475**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 19 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	**300**		**1.435.287.184.995**	**99.958.357.715**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.434.878.184.995**	**99.958.357.715**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	955.924.000.000	38.700.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		-	746.768
3. Người mua trả tiền trước	313		76.500.000	120.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	3.214.063.039	3.042.415.074
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	17	968.904.109	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	403.168.858.263	57.438.218.773
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	71.525.005.034	-
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		854.550	656.977.100
II. Nợ dài hạn	**330**		**409.000.000**	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	409.000.000	-
B. Vốn chủ sở hữu	**400**		**302.351.242.500**	**326.153.132.760**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	21	**302.351.242.500**	**326.153.132.760**
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.128.429.257	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.222.813.243	26.153.132.760
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.737.638.427.495**	**426.111.490.475**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	43.058.060	22.773.296
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	43.058.060	22.773.296
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	1.690.449	104.889
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	40.125.603	22.644.540
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.242.008	23.867
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút	032	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	084		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THIÊN
Tổng giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 19 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		**58.929.515.058**	**44.653.684.606**
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11.528.254.581	10.464.964.372
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		22.652.607.239	27.883.073.075
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.051.265.455	315.500.000
- Doanh thu khác	01.9		23.697.387.783	5.990.147.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	**58.929.515.058**	**44.653.684.606**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	23	39.791.476.170	70.283.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**19.138.038.888**	**44.583.400.732**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	22.872.124.715	14.647.877.661
7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**(3.734.085.827)**	**29.935.523.071**
8. Thu nhập khác	31	25	4.843.935.928	751.162.300
9. Chi phí khác	32		460.368.658	215.503.594
10. Lợi nhuận khác	40		**4.383.567.270**	**535.658.706**
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		649.481.443	30.471.181.777
12. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	4.891.380.817
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**649.481.443**	**25.579.800.960**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Kế toán trưởng
Ngày 04 tháng 3 năm 2011

NGUYỄN VĂN THIÊN
Tổng giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 19 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**	**649.481.443**	**30.471.181.777**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.895.659.828	4.323.091.568
Các khoản dự phòng	03	1.825.198.679	(8.302.495.380)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(4.355.408.022)	(2.520.434.250)
Chi phí lãi vay	06	21.054.709.133	1.748.967.237
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**23.069.641.061**	**25.720.310.952**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.016.713.970.422)	(171.168.656.044)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	579.162.179
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	415.260.523.171	55.462.703.561
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.687.053.353)	(1.325.289.999)
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.085.805.024)	(1.748.967.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.963.678.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(609.156.664.567)**	**(94.444.414.779)**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(5.490.965.750)	(1.707.016.009)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(376.407.089.400)	(45.810.953.172)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	113.074.921.430	33.453.224.997
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.546.667.040	2.520.434.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(266.276.466.680)**	**(11.544.309.934)**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.048.699.000.000	38.700.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.066.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(22.984.971.703)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**894.648.028.297**	**38.700.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**19.214.897.050**	**(67.288.724.713)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.011.493.222	75.300.217.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**27.226.390.272**	**8.011.493.222**

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Kế toán trưởng
Ngày 04 tháng 3 năm 2011

NGUYỄN VĂN THIÊN
Tổng giám đốc

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần 2 số 148/UBCK-GP ngày 28/8/2008.

Tên giao dịch và trụ sở và các chi nhánh

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là Beta Securities Incorporation, tên viết tắt là BSI.
Trụ sở chính đặt tại 16 Nguyễn Trường Tộ, quận 4, Tp.HCM.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta - Chi nhánh Hà Nội, tại số 27 Phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta - Chi nhánh Sài Gòn tại số 38-40-42 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với các khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với các khoản lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khóan vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của công ty chưa đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10
Máy móc thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải	2 – 10
Thiết bị quản lý	2 – 5

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 3 năm.

Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	669.047.008	63.765.013
Tiền gửi ngân hàng	10.783.949.462	1.159.516.385
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	15.773.393.802	1.788.211.824
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	**27.226.390.272**	**8.011.493.222**

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (đồng)
a) Của Công ty Chứng khoán	**4.826.760**	**105.715.205.000**
- Cổ phiếu	4.826.760	105.715.205.000
b) Của nhà đầu tư	**202.038.979**	**7.019.238.005.000**
- Cổ phiếu	189.558.979	5.641.715.025.000
- Trái phiếu	12.480.000	1.377.522.980.000
Tổng cộng	**206.865.739**	**7.124.953.210.000**

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng/(giảm) so với giá trị thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
a. Chứng khoán thương mại	1.690.449	28.889.481.132	(2.861.155.319)	26.028.325.813
b. Chứng khoán đầu tư	12.632.415	177.615.338.490	(3.690.246.000)	173.925.092.490
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	12.632.415	177.615.338.490	(3.690.246.000)	173.925.092.490
c. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
d. Các khoản đầu tư khác	5.545.800	177.667.090.795	-	177.667.090.795
- Đầu tư góp vốn khác	4.220.000	74.830.678.682	-	74.830.678.682
- Ủy thác đầu tư chứng khoán niêm yết	-	43.678.412.113	-	43.678.412.113
- Ủy thác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	1.025.800	10.258.000.000	-	10.258.000.000
- Ủy thác đầu tư vốn	-	42.900.000.000	-	42.900.000.000
- Cho vay	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	300.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Tổng Cộng	**19.868.664**	**384.171.910.417**	**(6.551.401.319)**	**377.620.509.098**

(*) Dự phòng giảm giá chứng khoán

Tại ngày 31/12/2010, Công ty chưa đánh giá lại danh mục các chứng khoán chưa niêm yết theo giá trị thị trường với tổng giá trị đầu tư là 155.504.653.682 đồng do không xác định được giá tham chiếu.

6. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

(**) Chứng khoán cầm cố

Công ty đã dùng 1.832.817 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Gia Định để cầm cố đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Nam Á được trình bày tại mục 15.02.

Theo các hợp đồng cầm cố số 0148/CC-2009, 0149/CC-2009 và 0150/CC-2009 ngày 06/8/2009 được ký với Ngân hàng TMCP gia Định, Công ty đang đã dùng các chứng khoán để cầm cố đảm bảo cho khoản vay được trình bày tại mục 15.01, chi tiết như sau:

Các chứng khoán	**Số lượng**
Công ty CP Vinamit	532.500 cổ phiếu
Quỹ đầu tư CK Y tế Bản Việt	200 chứng chỉ quỹ
Công ty CP Bia nước Giải khát Việt Hà	100.000 cổ phiếu
Công ty TMDV TVTK Thời trang Việt	151.875 cổ phiếu
Công ty CP Liên Minh	1.000.000 cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Nam Á	500.000 cổ phiếu
Công ty CP Ô tô Đô Thành	1.300.000 cổ phiếu

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

		31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng		41.200.000.000	-
Trả trước cho người bán		21.900.040.410	2.017.844.686
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	**7,01**	50.804.882.870	100.995.782.044
Phải thu khác	**7,02**	1.185.541.822.928	94.253.742.321
Cộng		1.299.446.746.208	197.267.369.051
Dự phòng phải thu khó đòi		-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		**1.299.446.746.208**	**197.267.369.051**

(7.01). Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2010	01/01/2010
Quyền nhận tiền bán chứng khoán	4.725.730.000	-
Bảo lãnh tiền mua chứng khoán	46.048.532.760	21.059.482.536
Phải thu khách hàng hoạt động giao dịch chứng khoán	-	79.936.299.508
Phải thu phí giao dịch chứng khoán	30.620.110	-
Cộng	**50.804.882.870**	**100.995.782.044**

(7.02). Chi tiết các khoản phải thu khác:		31/12/2010	01/01/2010
Phải thu hoạt động repo chứng khoán		12.759.116.981	42.437.670.000
Phải thu hợp tác đầu tư	(*)	1.054.407.049.364	2.000.000.000
Phải thu về ủy thác đầu tư chứng khoán		20.568.811.855	49.804.018.321
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư		4.005.700.000	-
Các khoản phải thu cầm cố chứng khoán		92.377.000.000	-
Phải thu khác		1.424.144.728	12.054.000
Cộng		**1.185.541.822.928**	**94.253.742.321**

(*) Phải thu hợp tác đầu tư là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư với các cá nhân và các tổ chức với tỷ lệ góp vốn của Công ty từ 50% đến 100% giá trị đầu tư. Công ty được hưởng khoản thu nhập với tỷ lệ từ 0,0403%/ngày đến 0,053%/ngày trên số tiền hợp tác đầu tư. Công ty được toàn quyền bán chứng khoán hai bên đã đầu tư để thu đủ số tiền mà Công ty đã góp vốn khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng mà các cá nhân và tổ chức hợp tác đầu tư vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm.

8. **Chi phí trả trước ngắn hạn**	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	976.992.589	234.758.197
Tăng trong năm	17.990.396.150	2.764.225.610
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.862.419.083)	(2.021.991.218)
Tại ngày 31 tháng 12	**11.104.969.656**	**976.992.589**

Chi phí trả trước ngắn hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 đến 12 tháng.

9. **Tài sản ngắn hạn khác**	31/12/2010	01/01/2010
Tạm ứng nghiệp vụ chứng khoán	1.231.500.000	11.938.223.700
Tạm ứng sửa chữa tài sản	548.727.000	548.727.000
Tạm ứng khác	1.650.005.834	2.125.410.157
Cộng	**3.430.232.834**	**14.612.360.857**

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/10	6.460.913.984	3.748.044.959	1.322.538.380	5.479.493.832	17.010.991.155
Tăng trong năm	-	1.285.627.306	1.216.203.418	640.391.726	3.142.222.450
Thanh lý	(781.943.800)	-	-	-	(781.943.800)
Tại ngày 31/12/10	**5.678.970.184**	**5.033.672.265**	**2.538.741.798**	**6.119.885.558**	**19.371.269.805**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/10	1.175.795.296	1.249.264.532	863.330.051	2.968.311.863	6.256.701.742
Khấu hao trong năm	621.164.378	884.030.049	205.489.504	1.886.636.968	3.597.320.899
Thanh lý	(208.518.352)	-	-	-	(208.518.352)
Tại ngày 31/12/10	**1.588.441.322**	**2.133.294.581**	**1.068.819.555**	**4.854.948.831**	**9.645.504.289**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/10	5.285.118.688	2.498.780.427	459.208.329	2.511.181.969	10.754.289.413
Tại ngày 31/12/10	**4.090.528.862**	**2.900.377.684**	**1.469.922.243**	**1.264.936.727**	**9.725.765.516**

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0193/NHNT-TN/10 ngày 25/3/2010, tài sản cố định là xe Toyota Camry 2.4G có nguyên giá là 1.102.980.000 đồng để thế chấp cho khoản vay tại mục 20.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Website Công ty	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/10	276.555.320	168.955.500	238.728.681	684.239.501
Tăng trong năm	2.301.660.000	-	47.083.300	2.348.743.300
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/10	**2.578.215.320**	**168.955.500**	**285.811.981**	**3.032.982.801**
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/10	166.149.961	107.943.784	193.799.640	467.893.385
Khấu hao trong năm	200.292.669	56.318.496	41.727.764	298.338.929
Thanh lý		-	-	-
Tại ngày 31/12/10	**366.442.630**	**164.262.280**	**235.527.404**	**766.232.314**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/10	110.405.359	61.011.716	44.929.041	216.346.116
Tại ngày 31/12/10	**2.211.772.690**	**4.693.220**	**50.284.577**	**2.266.750.487**

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	583.055.607	-
Tăng trong năm	1.479.864.106	781.943.800
Phân bổ vào chi phí trong năm	(920.787.820)	(198.888.193)
Tại ngày 31 tháng 12	**1.142.131.893**	**583.055.607**

Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 13 đến 60 tháng.

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2010	Năm 2009
Tại ngày 01 tháng 01	181.879.065	120.147.408
Tiền nộp bổ sung	588.423.866	57.666.790
Tiền lãi phân bổ trong năm	-	4.064.867
Tại ngày 31 tháng 12	**770.302.931**	**181.879.065**

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Các khoản ký quỹ	1.389.810.600	1.339.350.600
Cộng	**1.389.810.600**	**1.339.350.600**

15. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2010	01/01/2010
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình		-	8.700.000.000
Ngân hàng TMCP Gia Định	(15.1)	30.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	(15.2)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức	(15.3)	4.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Nga	(15.4)	1.750.000.000	-
Trái phiếu phát hành (Ngân hàng TMCP Liên Việt)	(15.5)	410.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành (Ngân hàng TMCP Nam Á)	(15.6)	500.000.000.000	-
Nợ vay dài hạn đến hạn trả		174.000.000	-
Cộng		**955.924.000.000**	**38.700.000.000**

(15.1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 0129/TD-2010 ngày 10/8/2010 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay 15%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và được đảm bảo bằng các cổ phiếu nêu tại mục 6.

(15.2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Á theo hợp đồng tín dụng số 000100416/HĐTDHM-NHNA ngày 01/10/2010 với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay 15,5%/năm. Khoản vay này nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và được đảm bảo bằng 1.832.817 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Gia Định được trình bày tại mục 6.f.

(15.3) Vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức nhằm góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng KCN Bến Lức với lãi suất là 18%/năm.

(15.4) Khoản vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Kim Nga theo đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2009/HĐDS-BSI ngày 24/12/2009 và phụ lục ngày 24/12/2010, thời hạn vay đến 31/12/2011 với lãi suất trong hạn từ 14,5%/năm. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

(15.5) Số lượng trái phiếu đã phát hành cho Ngân hàng TMCP Liên Việt là 410.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 12 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng và biến động từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Số tiền phát hành được sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu, trong đó có cổ phiếu và trái phiếu do Ngân hàng TMCP Liên Việt phát hành.

(15.6) Số lượng trái phiếu đã phát hành cho Ngân hàng TMCP Nam Á là 500.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 12 tháng, lãi suất 18,5%/năm. Số tiền phát hành được sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu, trong đó có cổ phiếu và trái phiếu do Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành.

16. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	4.489.661	-
Thuế TNDN phải nộp	2.927.702.626	2.927.702.626
Thuế thu nhập cá nhân	281.870.752	114.712.448
Cộng	**3.214.063.039**	**3.042.415.074**

17. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Lãi trái phiếu phải trả	968.904.110	-
Cộng	**968.904.110**	**-**

18. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	48.372.656	35.103.692
Phải trả thu hộ tiền góp vốn Công ty CP Viễn Thông Đô Thành	-	12.250.643.642
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	12.901.000	
Công ty CP Đầu tư KĐT mới Sài Gòn	70.000.000.000	
Bà Vũ Mỹ Hạnh	10.000.000.000	
Chia cổ tức cho cổ đông	1.466.400.000	
Phải trả cầm cố chứng khoán	306.302.700.000	39.607.888.071
Phải trả cho Bà Phan Thị Yên Hà	-	4.000.000.000
Tài sản thừa chờ xử lý	-	115.195.154
Doanh thu chưa thực hiện	11.332.784.607	
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	4.005.700.000	
Các khoản phải trả khác	-	1.429.388.214
Cộng	**403.168.858.263**	**57.438.218.773**

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư trong nước	71.525.005.034	-
Cộng	**71.525.005.034**	-

20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	583.000.000	-
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	*(174.000.000)*	-
Cộng	**409.000.000**	-

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 0280/TDB/10CD ngày 25/3/2010 với số tiền vay là 699.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay 15%/năm. Khoản vay này nhằm thanh toán tiền mua tài sản cố định và được đảm bảo bằng tài sản được trình bày tại mục 10.

21. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn điều lệ	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.128.429.257	-	1.128.429.257
Lợi nhuận chưa phân phối	26.153.132.760	649.481.443	(25.579.800.960)	1.222.813.243
Cộng	**326.153.132.760**	**1.777.910.700**	**(25.579.800.960)**	**302.351.242.500**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, các cổ đông đăng ký và góp vốn thực tế như sau:

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2010			Tại ngày 01/01/2010	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ	Số lượng CP
Cổ đông sáng lập	**67,42%**	**20.227.200**	**202.272.000.000**	**87,00%**	**26.100.000**
Ông Nguyễn Văn Cựu	21,07%	6.321.105	63.211.050.000	32,87%	9.860.905
Ông Lê Hữu Phú	6,16%	1.848.595	18.485.950.000	14,30%	4.289.095
Bà Phan Thị Yên Hà	8,31%	2.492.500	24.925.000.000	14,35%	4.305.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	23,33%	7.000.000	70.000.000.000	13,90%	4.170.000
Công ty TNHH Xe máy Đô Thành	6,30%	1.890.000	18.900.000.000	9,33%	2.800.000
Ông Trần Tiến Minh	2,25%	675.000	6.750.000.000	2,25%	675.000
Cổ đông khác	**32,58%**	**9.772.800**	**97.728.000.000**	**13,00%**	**3.900.000**
Ngân hàng TMCP Nam Á	11,00%	3.300.000	33.000.000.000	11,00%	3.300.000
Các cổ đông khác	21,58%	6.472.800	64.728.000.000	2,00%	600.000
Cộng	**100%**	**30.000.000**	**300.000.000.000**	**100%**	**30.000.000**

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:	Năm 2010	Năm 2009
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.128.429.257	-
Chia lợi nhuận cho các cổ đông	24.451.371.703	-
Cộng	**25.579.800.960**	-

22. Doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.528.254.581	10.464.964.372
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, góp vốn	22.652.607.239	25.362.638.825
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.051.265.455	315.500.000
Doanh thu lãi tiền gửi	4.902.859.969	3.374.826.068
Doanh thu nhận cổ tức	2.546.667.040	2.520.434.250
Doanh thu tạm ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	818.876.300	1.553.473.613
Doanh thu quản lý sổ cổ đông	286.718.657	125.219.300
Các khoản doanh thu khác	15.142.265.817	936.628.178
Cộng	**58.929.515.058**	**44.653.684.606**

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	5.545.344.332	3.342.471.127
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.134.543.503	2.123.242.180
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	84.898.127	1.001.279.411
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	1.825.198.679	(8.302.495.380)
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	33.284.442	-
Chi phí lãi vay	21.054.709.133	1.748.967.237
Chi phí lưu ký chứng khoán	127.991.804	
Chi phí khác	7.985.506.150	156.819.299
Cộng	**39.791.476.170**	**70.283.874**

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	4.910.779.209	2.696.788.143
Dụng cụ văn phòng	583.058.841	629.096.010
Khấu hao TSCĐ	3.822.640.059	4.318.761.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.884.510.682	2.868.604.141
Chi phí thuê mặt bằng	3.041.643.600	2.110.156.800
Chi phí bằng tiền khác	3.571.627.115	1.497.567.274
Chi phí trước hoạt động	278.850.050	194.352.120
Chi phí quản lý khác	2.779.015.159	332.551.815
Cộng	**22.872.124.715**	**14.647.877.661**

25. Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
Nhận hỗ trợ vốn từ	3.750.000.000	258.976.667
Các khoản thu nhập khác	1.093.935.928	492.185.633
Cộng	**4.843.935.928**	**751.162.300**

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	649.481.443	30.471.181.772
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	2.546.667.040	2.520.434.250
Lỗ các năm trước chuyển sang	-	
Thu nhập chịu thuế	(1.897.185.597,34)	27.950.747.527,00
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	6.987.686.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính	-	(2.096.306.065)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**4.891.380.817**

27. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	**Mối liên quan**	**Nghiệp vụ**	**Số tiền**
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	Bên liên quan	Ủy thác đầu tư	20.000.000.000
Công ty CP Ô tô Đô Thành	Bên liên quan	Ủy thác đầu tư	12.250.000.000
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT	Tặng 500.000 cổ phiếu NAB	3.750.000.000
Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	174.200.000
Ngân hàng TMCP Gia Định	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Gia Định	Bên liên quan	Cầm cố chứng khoán	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	Bên góp vốn	Van ngắn hạn	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	Bên góp vốn	Trái phiếu	500.000.000.000

27. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2010, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	Bên liên quan	Phải thu ủy thác đầu tư	20.000.000.000
Công ty CP Ô tô Đô Thành	Bên liên quan	Phải thu ủy thác đầu tư	12.250.000.000
Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	1.818.374.700
Ngân hàng TMCP Gia Định	Bên liên quan	Nợ vay ngắn hạn	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Gia Định	Bên liên quan	Phải trả cầm cố chứng khoán	118.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	Bên góp vốn	Nợ vay ngắn hạn	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	Bên góp vốn	Nợ trái phiếu	500.000.000.000

28. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
Kế toán trưởng
Ngày 04 tháng 3 năm 2011

NGUYỄN VĂN THIỀN
Tổng Giám đốc